

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HS-ST

Ngày: 16-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng

Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Thanh Tú

Bà Thạch Thị Ngọc Mai

Bà Diệp Huyền Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Chí Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**
Ông Huỳnh Quang Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2024/TLST - HS, ngày 06 tháng 12 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

- **Họ và tên:** Nguyễn Văn Minh T1, sinh ngày 27/5/1993, tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nơi đăng ký thường trú: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: G10/35, ấp G, xã L, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1953 và bà Phan Thị T, sinh năm 1958. Bị cáo có vợ (không có đăng ký kết hôn) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/7/2023 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Minh T1:** Luật sư Phạm Thị Thiên N - Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T bào chữa theo chỉ định (có mặt).

- **Bị hại:**

1/ Anh Hà Minh T2. Nơi cư trú: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2/ Ông Hà Văn M, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Kim Thái L, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Ngân hàng TMCP Q (V). Địa chỉ: Tầng F, tòa nhà P, số B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP Q (V): ông Bùi Ngọc A, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Tầng F, tòa nhà P, số B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

3/ Văn phòng công chứng C; Địa chỉ: số C, N, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào đầu tháng 7 năm 2021, sau khi mua xe ô tô tải nhãn hiệu Hino, trọng tải 6,5 tấn với giá 860.000.000 đồng, bị cáo T1 được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh V cấp biển số 64C-095.94 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 64002286, khi hoàn thành giá trị là 1.020.000.000 đồng. Ngày 07 tháng 7 năm 2021, bị cáo T1 đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô tải trên với Ngân hàng TMCP Q (V) phòng giao dịch quận F, thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền là 770.000.000 đồng, thời hạn vay là 72 tháng, ngày nhận tiền vay là 08 tháng 7 năm 2021 và Ngân hàng đã giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau đó thông qua mạng xã hội Facebook (không nhớ rõ tên tài khoản, địa chỉ), bị cáo T1 đã đặt mua một Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 64002286 giả với giá 2.200.000 đồng, với mục đích nhằm để sử dụng lưu thông. Đến tháng 11 năm 2022, do làm ăn thua lỗ và tham gia đánh bạc phát sinh nhiều khoản nợ không có tiền để trả, nên bị cáo T1 đã nảy sinh ý định dùng giấy tờ xe giả cùng với chiếc xe ô tô tải đem cầm cố để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân mà không có báo cho phía ngân hàng TMCP Q (V) biết.

Để thực hiện ý định của mình, bị cáo T1 gặp ông Kim Thái L để cầm nhưng ông L không cầm cố xe mà giới thiệu cho người khác. Ngày 04/11/2022, bị cáo T1 gặp anh Hà Minh T2 cầm xe ô tô tải và giấy xe giả với giá 300.000.000 đồng, nhưng do anh T2 không đủ tiền nên chỉ đưa cho bị cáo số tiền 200.000.000 đồng và làm hợp đồng cầm đồ (tờ hợp đồng của tiệm cầm đồ của ông L), thời gian cầm cố xe từ ngày 04/11/2022 đến ngày 04/12/2022, lãi

suất là 06%/tháng. Sau khi bị cáo nhận số tiền mặt 200.000.000 đồng bị cáo giao giấy xe giả cùng chiếc xe ô tô tải cho anh T2 quản lý.

Đến ngày 06/12/2022, bị cáo T1 liên lạc với anh T2 nói chưa có tiền chuộc lại xe và muốn cầm cố chiếc xe thêm 50.000.000 đồng nên anh T2 đồng ý. Bị cáo T1 cùng anh T2 đến Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh tiến hành ký văn bản thỏa thuận cho anh T2 được quyền sử dụng xe ô tô tải và biên nhận cầm cố chiếc xe với tổng số tiền là 250.000.000 đồng, thời gian cầm từ ngày 04/12/2022 đến ngày 04/01/2023, lãi suất là 06%/tháng. Sau đó, bị cáo nhận tiền mặt 38.000.000 đồng từ anh T2 (do trừ đi số tiền 12.000.000 đồng là tiền lãi một tháng của số tiền 200.000.000 đồng mà bị cáo T1 đã cầm cố xe ô tô tải trước đó).

Ngày 12/01/2023, bị cáo T1 đến gặp anh T2 tại nhà tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh để lấy thêm số tiền 50.000.000 đồng (do trước đó anh T2 đồng ý cầm cố xe ô tô với số tiền 300.000.000 đồng, thời gian cầm từ ngày 12/01/2023 đến ngày 12/02/2023, lãi suất là 06%/tháng. Sau đó, bị cáo nhận tiền mặt 35.000.000 đồng từ anh T2 (do trừ đi số tiền 15.000.000 đồng là tiền lãi một tháng của số tiền 250.000.000 đồng mà bị cáo đã cầm cố xe ô tô tải trước đó).

Ngày 11/02/2023, bị cáo T1 đến gặp anh T2 và nói hết khả năng chuộc lại xe, đồng thời đề nghị bán chiếc xe ô tô tải cho anh T2 với số tiền 550.000.000 đồng thì anh T2 kêu mẹ ruột bà Nguyễn Thị Ánh H mua lại xe ô tô tải của bị cáo. Bà H và bị cáo đến Văn phòng C làm Hợp đồng mua bán xe. Sau khi ký xong hợp đồng mua bán xe, ông M, bà H đã trả thêm cho bị cáo là 240.000.000 đồng (cộng với số tiền 300.000.000đ mà bị cáo đã nhận của anh T2 khi cầm xe trước đó), tổng cộng bà H, anh T2 đã thanh toán tiền mua xe cho bị cáo là 540.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng, bà H, anh T2 và bị cáo thỏa thuận sau hoàn thành việc rút hồ sơ sang tên xe ô tô tải sẽ trả đủ cho bị cáo. Bị cáo T1 đã giao xe ô tô tải biển số 64C – 095.94 và giấy chứng nhận đăng ký xe giả cho gia đình anh T2 quản lý.

Đến ngày 13/02/2023, anh Hà Minh T2 cùng với ông Hà Văn M, bà Nguyễn Thị Ánh H mang giấy tờ công chứng hợp đồng bán xe ô tô tải biển số 64C – 095.94 đến Phòng C1 Công an tỉnh V để rút hồ gốc thì cán bộ Phòng giao thông thông báo cho biết là giấy tờ xe giả nên làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh T.

Như vậy, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền của anh T2 là 300.000.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả cho anh T2 trong thời gian cầm cố xe ô tô trong hai tháng 11 và tháng 12 năm 2022 là 27.000.000 đồng, còn lại số tiền chiếm đoạt là 273.000.000 đồng, số tiền bị cáo chiếm đoạt tiền của bà H là 240.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt tiền 513.000.000 đồng.

Ngày 14/4/2023, Cơ quan điều tra đã có Quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định đối với một giấy chứng nhận đăng

ký xe ô tô số: 64002286 do phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 01 tháng 7 năm 2021, tên chủ xe: Nguyễn Văn Minh T1, địa chỉ ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tại Bản Kết luận giám định số 252/KL-KTHS ngày 20/4/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 64002286, tên chủ xe: Nguyễn Văn Minh T1, địa chỉ: ấp F, L, T, Vĩnh Long, nhãn hiệu HINO, số máy J05EUA22799, số khung: RNJFC9JLTCMX14593 do Phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 01/7/2021 là giấy giả.

Ngày 05/12/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T trưng cầu định giá tài sản đối với xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, số máy J05EUA22799, số khung: RNJFC9JLTCMX14593. Tại bản kết luận số 09/BKLĐGTS ngày 21/12/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Trà Vinh kết luận tại thời điểm tháng 01 năm 2023 xe ô tô tải trên có tổng giá trị là 660.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 64002286 do phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 01 tháng 7 năm 2021, tên chủ xe: Nguyễn Văn Minh T1, địa chỉ ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (giấy giả).

- 01 (Một) xe ô tô tải (có mui): Nhãn hiệu: HINO; Loại xe: FC9JLTC; Tải trọng: 6400 kg; Màu sơn: Trắng; Số máy: JO5EUA22799; Số khung: RNJFC9JLTCMX14593; Số chỗ ngồi: 03; Năm sản xuất: 2021; Niên hạn sử dụng: 2046; Biển kiểm soát: 64C – 095.94.

Tại Cáo trạng số: 67/CT-VKS-P1 ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 thống nhất với nội dung bản cáo trạng số: 67/CT-VKS-P1 ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nội dung cáo trạng và không cung cấp tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại anh Hà Minh T2 yêu cầu bị cáo bồi thường 273.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 240.000.000 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay cũng như Viện kiểm sát đã đánh giá về hành vi phạm tội của bị cáo. Vị kiểm sát viên cho rằng đã đủ cơ sở quy kết bị cáo về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố nên Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy

tổ bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cả hai tội từ 15 năm đến 17 năm tù.

Ngoài ra, Vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự cho các bị hại, xử lý vật chứng, án phí và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 cho rằng: Vị luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 hoàn toàn thống nhất với nội dung Cáo trạng và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố, kết luận bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quan điểm của Viện kiểm sát. Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có công cách mạng, có con còn nhỏ, sinh năm 2023. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở hai tội là 15 năm tù, mức hình phạt thấp nhất mà vị Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa.

Các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 phải trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, trả cho anh T2 số tiền 273.000.000 đồng, trả cho ông M1, bà H số tiền 240.000.000 đồng; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn Minh T1: Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo đã ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 thừa nhận: Ngày 07 tháng 7 năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 ký kết hợp đồng thế chấp xe ô tô biển số 64C – 095.94 với Ngân hàng thương mại cổ phần () Quốc tế (V) tại quận F, Tp . để vay số tiền 770.000.000 đồng, phía ngân hàng giữ bản gốc giấy đăng ký xe ô tô và giao xe ô tô 64C-095.94 cho bị cáo quản lý, sau đó bị cáo đặt mua một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả với giá 2.200.000 đồng, bị cáo đem xe và giấy tờ xe giả cầm cho anh Hà Minh T2 300.000.000 đồng, bị cáo nhận tiền 273.000.000 đồng, sau đó bán chiếc xe ô tô tải cho bà Nguyễn Thị Ánh H nhận tiền 240.000.000 đồng; như vậy việc bị cáo cầm xe và mua bán xe, bị cáo nhận tiền của các bị hại tổng cộng 513.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được, có đầy đủ căn cứ kết luận bị cáo đã có hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi gian dối để cầm cố và bán chiếc xe ô tô tải thuộc sở hữu của bị cáo nhằm chiếm đoạt tiền của anh T2 và bà H. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi, hậu quả vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, bởi giấy tờ bị cáo mua là loại giấy tờ giả và sử dụng loại giấy tờ đó đem cầm cố, bán xe để các bị hại tin đó là thật để bị hại đưa tiền cho bị cáo chiếm đoạt, hành vi đó thể hiện thái độ xem thường kỷ cương pháp luật nên cần áp dụng đối với bị cáo một mức án có thời hạn để giáo dục bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có ông nội liệt sỹ; bị cáo có con còn nhỏ. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51

Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện và đồng ý trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt của anh Hà Minh T2 273.000.000 đồng, ông Hà Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh H 240.000.000 đồng phù hợp với yêu cầu bị hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 64002286 do phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 01 tháng 7 năm 2021, tên chủ xe: Nguyễn Văn Minh T1, địa chỉ ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị cáo đặt mua là giấy tờ giả, đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, do đó tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (Một) xe ô tô tải (có mui) trước khi bị cáo dùng để thực hiện hành vi lừa đảo bị cáo đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q (V) phòng giao dịch quận F, thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền là 770.000.000 đồng. hợp đồng thế chấp này là hợp pháp được bị cáo thừa nhận và hiện nay bị cáo chưa trả tiền cho Ngân hàng, nên giao cho Ngân hàng TMCP Q (V) quản lý. Xe ô tô tải nêu trên hiện tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh đang quản lý đề nghị Ngân hàng TMCP Q (V) liên hệ nhận lại xe để xử lý theo quy định.

Đối với Văn phòng C, tỉnh Trà Vinh đã công chứng hợp đồng mua bán giữa bị cáo và gia đình anh Hà Minh T2, tuy nhiên do Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 64002286 là giả, được làm rất tinh vi nên không bị phát hiện nên không đủ cơ sở xử lý.

Đối với anh Kim Thái L là chủ tiệm cầm đồ có giới thiệu cho bị cáo gặp gia đình anh Hà Minh T2 để ký hợp đồng cầm xe ô tô 64C – 095.94 và giấy đăng ký xe ô tô giả, anh L không có thu lợi từ hợp đồng này và không biết giấy tờ xe ô tô là giả nên không xử lý.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử sơ thẩm phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật về tội danh về tình tiết định khung hình phạt các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử cũng như phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 174 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Phạt bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 1 (Một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/7/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 phải bồi thường cho anh Hà Minh T2 số tiền 273.000.000 đồng, bồi thường cho ông Hà Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh H số tiền 240.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng:

+ Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 64002286 do phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 01 tháng 7 năm 2021, tên chủ xe: Nguyễn Văn Minh T1, địa chỉ ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (giấy giả).

+ Giao cho Ngân hàng TMCP Q (V) quản lý 01 (Một) xe ô tô tải (có mui): Nhãn hiệu: HINO; Loại xe: FC9JLTC; Tải trọng: 6400 kg; Màu sơn: Trắng; Số máy: JO5EUA22799; Số khung: RNJFC9JLTMCX14593; Số chỗ ngồi 03; Năm sản xuất: 2021; Niên hạn sử dụng: 2046; Biển kiểm soát: 64C – 095.94. Ngân hàng TMCP Q (V) liên hệ Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh nhận lại xe để xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

- Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Minh T1 phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm 24.520.000 đồng (*hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- CQCSĐT - CQTHAHS;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Hùng